

UBND XÃ THANH OAI
**HỘI ĐỒNG TUYỂN
DỤNG VIÊN CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Oai, ngày 06 tháng 8 năm 2026

Số: 10/QĐ-HĐTD

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập
kỳ thi tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc UBND xã Thanh Oai năm 2026**

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC XÃ THANH OAI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;*

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.*

*Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành
nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-SGDĐT ngày 16/3/2026 của Sở Giáo dục và
Đào tạo thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện
thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập
thuộc thẩm quyền quản lý;*

*Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Thanh
Oai về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm
việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND xã Thanh Oai năm 2026;
Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc
thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công
lập trực thuộc UBND xã Thanh Oai năm 2026;*

*Xét biên bản họp ngày 04/8/2026 đề xuất nội dung, danh mục tài liệu ôn tập
kỳ thi tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND
xã Thanh Oai năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ
sở giáo dục công lập trực thuộc UBND xã Thanh Oai năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập kỳ thi tuyển dụng viên
chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND xã Thanh Oai năm
2026, như sau:

1. Nội dung ôn tập thi vòng 1

Phần kiến thức chung: theo phụ lục số 01;

Phần Ngoại ngữ: Tiếng Anh theo phụ lục số 02.

(Có các Phụ lục 01, 02 chi tiết kèm theo).

2. Nội dung ôn tập thi vòng 2

Vị trí Giáo viên tiểu học hạng III và vị trí Giáo viên trung học cơ sở hạng III: theo phụ lục số 03 *(có Phụ lục 03 chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan công khai Quyết định phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập kỳ thi tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND xã Thanh Oai năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã để thí sinh biết thực hiện ôn tập.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Hội đồng tuyển dụng viên chức 2026, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm DVTH xã (để đăng tin);
- Lưu: VT, HĐTD (T, 01b).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Hồng Hải**

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP THI VÒNG 1 – KIẾN THỨC CHUNG
KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC UBND XÃ THANH OAI NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2026
của Hội đồng tuyển dụng viên chức xã Thanh Oai)

I. TÀI LIỆU ÔN TẬP CHUNG

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15;
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;
3. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;
4. Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
5. Nghị định số 234/2026/NĐ-CP ngày 26/06/2026 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức;
6. Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT- BGDDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GD&ĐT;
7. Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/04/2026 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
8. Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/03/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;
9. Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.

II. TÀI LIỆU ÔN TẬP BỔ SUNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ VIỆC LÀM TỪNG CẤP HỌC

*** Vị trí giáo viên Tiểu học hạng III**

1. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

Các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ:

+ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

+ Thông tư 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

+ Thông tư 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Thông tư 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

2. Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Các văn bản sửa đổi, bổ sung:

+ Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2021;

+ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2022;

+ Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT;

+ Thông tư 26/2025/TT-BGDĐT ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

+ Thông tư 27/2025/TT-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi một số Thông tư và bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một số Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

*** Giáo viên Trung học cơ sở hạng III**

1. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

Các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ:

+ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

+ Thông tư 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

+ Thông tư 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Thông tư 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

2. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Các văn bản sửa đổi, bổ sung:

+ Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

+ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT;

+ Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT;

+ Thông tư 26/2025/TT-BGDĐT ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

+ Thông tư 27/2025/TT-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi một số Thông tư và bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một số Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP THI VÒNG 1 – NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND XÃ THANH OAI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2026
của Hội đồng tuyển dụng viên chức xã Thanh Oai)

MÔN: NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

- **Trình độ:** Tương đương **bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam** ban kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- **Hình thức thi:** Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- **Đánh giá được:** Năng lực ngoại ngữ dùng để giao tiếp hàng ngày.

- **Tài liệu tham khảo:** Roadmap A2+, New English File (Pre-intermediate), Empower B1.

Nội dung ôn tập và ví dụ

I. Kỹ năng đọc hiểu

Đọc hiểu ý chính và các chi tiết của các văn bản viết bằng ngôn ngữ thường ngày hoặc liên quan đến công việc.

Ví dụ:

Computerization has changed high school education in many ways. In early 1980s only 20% of high school teachers in the US used computers. However, since then high schools in the US have computerized rapidly. In 1987, schools acquired about 1.5 million computers with 95% of the schools having at least one computer. At school, teachers can use a computer to bring texts, sound and pictures into a classroom. With a computer, they can readily attract and retain students' attention. Computers can also speed up the teaching process and make difficult-to-explain ideas straight forward. This means that teachers can spend more time answering students' questions and catering for other needs. Computer software can shorten the learning process by illustrating real world applications of abstract theories.

1. What is the main idea of the passage?

A. Computers uses in the US.

B. Students' using computer for studying.

C. Uses of computers as a teaching aid.

D. Applications of computer software.

2. According to the passage, which sentence is **NOT** true?

A. **Computers were used at all high school from the beginning.**

B. Computers has changed high school education greatly.

C. Teachers use computers to attract students' attention.

D. Computers help students understand abstract theories better.

3. In 1987, _____
 A. 20% of teachers used computers.
 B. 5% of the schools didn't have a computer.
 C. 100% of teaching aids were from computers
 D. 95% of computers were used at schools.
4. The word "**they**" in line 5 refers to _____.
 A. teachers
 B. students
 C. computers
 D. teaching aids
5. With a computer, _____
 A. nothing can be done for both teachers and students.
 B. students don't have to learn their lessons.
 C. teachers must spend a lot of time explaining the lesson.
 D. teachers can speed up their teaching process.

Đáp án: 1. C 2. A 3. B 4. A 5. D

II. Từ vựng

Từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc, liên quan đến cuộc sống hàng ngày và công việc.

Ví dụ:

Daily routine: wake up, brush teeth, take a shower, have breakfast, go to work, cook dinner, clean the house, do exercise, watch TV, go to bed,...

Family & Friends: parents, cousin, relative, neighbor, classmate, uncle, aunt, daughter, husband, nephew,...

Houses: garden, living room, kitchen, bedroom, bathroom, balcony, garage, furniture, window, dining room,...

Jobs: teacher, doctor, nurse, driver, engineer, waiter, police officer, accountant, farmer, manager,...

Hobbies: reading, swimming, cooking, gardening, painting, photography, cycling, camping, fishing, listening to music,...

Transport: bicycle, bus, train, motorbike, airplane, taxi, ship, station, ticket, traffic,...

Food & Drinks: breakfast, vegetable, chicken, coffee, fruit, seafood, juice, sandwich, soup, dessert,...

Schools: classroom, student, library, homework, examination, subject, timetable, uniform, textbook, while/blackboard,...

Holiday: vacation, hotel, souvenir, passport, beach, sightseeing, luggage, tourist, flight, sea, mountain,...

III. Ngữ pháp

1. Tenses (Các thì trong tiếng Anh)

1.1. The present simple (Thì hiện tại đơn)

- Cấu tạo: S + V
- Cách dùng: Thì hiện tại đơn dùng để chỉ hành động hoặc sự kiện xảy ra thường xuyên hoặc cố định đều đặn. Thì hiện tại đơn thường được sử dụng với các trạng từ chỉ tần suất thời gian như *never, rarely, sometimes, usually, always...*
- Ví dụ: I often get up at 6 o'clock.

1.2. The present continuous (Thì hiện tại tiếp diễn)

- Cấu tạo: S + am/is/are + V-ing
- Cách dùng: Thì hiện tại tiếp diễn dùng để chỉ hành động đang diễn ra tại thời điểm nói. Thì hiện tại tiếp diễn thường được sử dụng với các trạng từ chỉ thời gian như *now, right now, at the moment, at present,...*
- Ví dụ: The children are playing football.

1.3. The present perfect (Thì hiện tại hoàn thành)

- Cấu tạo: S + have/ has + V (past participle)
- Cách dùng: Diễn tả hành động hoặc trạng thái bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục ở hiện tại hoặc hành động vừa mới xảy ra.
- Ví dụ: She has learnt English for 5 years.

1.4. The past simple (Thì quá khứ đơn)

- Cấu tạo: S + Ved / Irregular V
- Cách dùng: Diễn tả 1 hành động đã kết thúc tại một thời điểm xác định trong quá khứ.
- Ví dụ: They got home late last night.

1.5. The past continuous (Thì quá khứ tiếp diễn)

- Cấu tạo: S + was/ were + V-ing
- Cách dùng: Diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ
- Ví dụ: My friend was doing homework at 8 p.m yesterday.

1.6. The past perfect (Thì quá khứ hoàn thành)

- Cấu tạo: S + had + V(past participle)
- Cách dùng: Diễn tả một hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ.
- Ví dụ: When we arrived at the station, our train had left.

1.7. The future tense with “will” (Thì tương lai với “will”)

- Cấu tạo: S + will + V
- Cách dùng: Diễn tả quyết định đưa ra ngay thời điểm nói, những điều xảy ra trong tương lai mà không có dự tính trước, dự đoán không có căn cứ.

- Ví dụ: They will go on holiday next month

1.8. The future tense with “be going to” (Thì tương lai với “be going to”)

- Cấu tạo: S + am/is/are + going to + V
- Cách dùng: để diễn đạt dự định, kế hoạch có từ trước thời điểm nói, hoặc dự đoán có căn cứ.
- Ví dụ: It is going to rain. There are so many black clouds in the sky.

2. Verbs (Động từ trong tiếng Anh)

2.1 Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)

- Cấu tạo: S + can, could, may, might, should, must,... + V
- Cách dùng: Được sử dụng như một trợ động từ để diễn đạt khả năng, đưa ra lời khuyên, sự bắt buộc hay cần thiết phải làm gì.
- Ví dụ: She can play the piano very well.

2.2. Verb forms (Dạng của động từ)

- Cấu tạo: Động từ có 4 dạng thức cơ bản: động từ nguyên thể có ‘to’ (to V), động từ ở dạng ‘ing’ (Ving) , phân từ quá khứ (Vpp) và động từ nguyên thể không có ‘to’ (V).

- Cách dùng:

Động từ nguyên thể có ‘to’ (to V): được dùng sau một số động từ như *want, decide, plan,...*, trong các cấu trúc chỉ mục đích, sau các tính từ, sau các từ để hỏi.

Động từ ở dạng ‘ing’ (Ving): được dùng sau một số động từ như *enjoy, hate, avoid, delay,....*, sau các giới từ và khi động từ làm chủ ngữ của câu.

Động từ ở dạng phân từ quá khứ (Vpp): được dùng trong các cấu trúc bị động

Động từ nguyên thể không có ‘to’ (V): trong cấu trúc của một số động từ như *let, make, help,....*

- Ví dụ: They decided to cancel the concert because of the storm.

Learning English is interesting.

3. Nouns (Danh từ)

3.1. Countable nouns and uncountable nouns (Danh từ đếm được và danh từ không đếm được)

- Định nghĩa: Danh từ đếm được là những danh từ có thể dùng với số đếm. Danh từ không đếm được là những danh từ không dùng với số đếm.
- Ví dụ: a book, two apples, many people (Danh từ đếm được), water, rice, music (Danh từ không đếm được)

3.2. Quantifiers (Từ chỉ số lượng)

- Định nghĩa: Từ chỉ số lượng là một từ hoặc cụm từ được sử dụng trước một danh từ để chỉ ra số lượng của danh từ đó. Từ định lượng có thể được sử dụng với cả danh từ đếm được và không đếm được.

- Ví dụ:

Đứng trước danh từ đếm được: a, an, a few, some, any, many, a lot of,...

Đứng trước danh từ không đếm được: a little, some, any, much, a lot of,...

3.3. Articles: a/ an/ the (Mạo từ)

- Định nghĩa: Mạo từ không xác định *a/an* chỉ dùng trước danh từ số ít, có ý nghĩa chung chung. Mạo từ xác định *the* đứng trước danh từ số ít hoặc số nhiều khi người nghe biết rõ đó là đối tượng nào hoặc khi danh từ đã được nhắc tới ở câu trước, được dùng với những danh từ chỉ người hoặc vật có tính duy nhất.

- Ví dụ: A cat is sleeping on the sofa.

How far is it from the earth to the moon?

4. Adjectives and adverbs (Tính từ và trạng từ)

4.1. Adverbs of manner (Trạng từ chỉ cách thức)

- Cấu tạo: Adj (tính từ) + ly

- Cách dùng: Trạng từ chỉ cách thức diễn tả cách thức mà một hành động diễn ra

- Ví dụ: My dad is careful. He drives very carefully.

4.2. Comparisons (So sánh)

- Cấu tạo:

Với tính từ/ trạng từ 1 âm tiết hoặc tính từ 2 âm tiết kết thúc bằng -y:

adj/adv + er + than

the adj/ adv + est

Với tính từ 2 âm tiết khác và các tính từ 3 âm tiết, các trạng từ 2 âm tiết trở lên:

more + adj/ adv + than

the most + adj/ adv

- Ví dụ: This house is bigger than my house.

This dress is more beautiful than that one.

Tom is the most hardworking student in my class

5. Questions (Các loại câu hỏi)

5.1. Yes/No questions (Câu hỏi Yes/No)

- Cấu tạo: Auxiliary + S + V?

- Cách dùng: Dùng để hỏi thông tin đúng/sai

- Ví dụ: Do you like listening to music in your free time?

5.2. Wh-questions (Câu hỏi có từ để hỏi)

- Cấu tạo: What/ Where/ Who/ When/ Why/ How ... + auxiliary + S + V?

- Cách dùng: Dùng để hỏi thông tin về ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao, bằng cách nào,...

- Ví dụ: How do you go to work every day?

6. Passive voice (Câu bị động)

- Cấu tạo: S + to be + V(past participle)

- Cách dùng: Câu bị động là câu nhấn mạnh đối tượng (chủ ngữ) là người hoặc vật bị tác động bởi hành động thay vì đối tượng thực hiện hành động.

- Ví dụ: The lesson is explained by the teacher.

7. Connectors (Từ nối)

- Cấu tạo: S + V + connector (and, but, so, because, although, when...) S + V

- Cách dùng: Các từ nối dùng để nối các mệnh đề để tạo thành 1 câu nhiều mệnh đề.

- Ví dụ: It is raining, but I don't have a raincoat.

They played football although it was raining.

8. Conditionals (Câu điều kiện)

8.1. First conditionals (Câu điều kiện loại 1)

- Cấu tạo: If + S + V(present simple), S + will + V.

- Cách dùng: Dùng để chỉ những điều có thể xảy ra trong hiện tại và tương lai.

- Ví dụ: If the weather is good at the weekend, they will go camping.

8.2. Second conditionals (Câu điều kiện loại 2)

- Cấu tạo: If + S + V(past simple), S + would + V.

- Cách dùng: Dùng để nói về những điều trái với hiện tại.

- Ví dụ: If I were rich, I would travel around the world.

8.3. Third conditionals (Câu điều kiện loại 3)

- Cấu tạo: If + S + V(past perfect), S + would + have + V(past participle)

- Cách dùng: Dùng để nói về những điều trái với quá khứ

- Ví dụ: If they had worked hard, they would have passed the exams.

9. Relative clauses (Mệnh đề quan hệ)

- Định nghĩa: Mệnh đề quan hệ là mệnh đề phụ dùng để nối với mệnh đề chính thông qua các đại từ quan hệ (which/ that/ who/ whom/ where/ when/ whose)

- Cách dùng: Mệnh đề quan hệ luôn sau danh từ và bổ sung thêm thông tin cho danh từ đó.

- Ví dụ: The man who you met yesterday is my cousin.

10. Sentence structures (Một số cấu trúc câu thường gặp)

10.1. S + spend + time + V-ing = It + take + somebody + time + to V

Ví dụ: They spent two hours playing sports every day.

= It took them two hours to play sports every day.

10.2. S + V + too + adj / adv = S + not + V + adj / adv + enough

Ví dụ: The coffee is too hot for me to drink.

= The coffee is not cool enough for me to drink.

10.3. S + V + so + adj / adv + that + S + V = S + V + such + adj + N + that + S + V

Ví dụ: The bike was so expensive that he decided not to buy it.

= It was such an expensive bike that he decided not to buy it.

10.4. S + have / has + V(pp) for / since = S + started + V-ing + when / ... ago

Ví dụ: They have lived in this city for three years.

= They started living in this city three years ago.

10.5. S + V + adv = S + to be + adj + N

Ví dụ: Mary plays piano very well.

= Mary is a very good pianist.

10.6. S + like/love + V-ing = S + to be + interested in / keen on / fond of + V-ing

Ví dụ: They love reading books.

= They are interested in reading books.

10.7. S + should + V = If I were you, I would + V

Ví dụ: You shouldn't stay up late.

= If I were you, I wouldn't stay up late.

10.8. S + V + so sánh nhất = No one + V + so sánh hơn

Ví dụ: Tung is the tallest boy in my class.

= No one in my class is taller than Tung.

10.9. Nói hai câu dùng đại từ quan hệ

Ví dụ: I bought a book yesterday. The book was really interesting.

= The book which I bought yesterday was really interesting.

10.10. Chuyển câu chủ động sang câu bị động

Ví dụ: My dad will fix my bike.

= My bike will be fixed by my dad.

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP THI VÒNG 2
KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC UBND XÃ THANH OAI NĂM 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2026
của Hội đồng tuyển dụng viên chức xã Thanh Oai)*

I. Khởi Tiểu học:

- Thực hành thông qua giảng bài trên lớp (không có học sinh) để **kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển.**

- Bốc thăm 1 trong các tiết quy định trong giới hạn nội dung ôn tập.

- Thời gian giảng bài không quá 35 phút (trước khi thi thực hành thông qua giảng dạy thí sinh có 15 phút chuẩn bị).

- Thang điểm: 100 điểm.

2. Giới hạn nội dung các tiết để xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành dạy học

1. MÔN VĂN HÓA

*** TIẾNG VIỆT**

TT	Tên bài/tiết	Trang	Tài liệu tham khảo
1	Bài 4. Viết: Viết đoạn văn kể lại hoạt động đã làm cùng người thân	25 (Tập một)	Sách giáo khoa Tiếng Việt 3 Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống ”. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2024.
2	Bài 17. Đọc: Ngưỡng cửa	82 – 83 (Tập một)	
3	Bài 26. Luyện từ và câu: Từ có nghĩa trái ngược nhau; Câu khiến	118 (Tập một)	
4	Bài 7. Nói - Nghe: Sự tích hoa mào gà	33 (Tập hai)	
5	Bài 10. Đọc: Quả hồng của thỏ con	44-45 (Tập hai)	

II. TOÁN

TT	Tên bài/tiết	Trang	Tài liệu tham khảo
1	Một phần mấy	42, 43 (Tập một)	Sách giáo khoa Toán 3 Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống ”. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2024.
2	Hình chữ nhật, hình vuông	58, 59 (Tập một)	
3	Phép chia hết, phép chia có dư	72, 73 (Tập một)	
4	Bài toán giải bằng hai bước tính	81, 82 (Tập một)	
5	Diện tích hình chữ nhật	30, 31 (Tập hai)	

2. MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Tuyển giáo viên Tin học)

STT	Tên chủ đề	Tên bài	Nội dung
1	Chủ đề 1. Máy tính và em	Bài 2. Gõ bàn phím đúng cách	Mục 1. Gõ bàn phím đúng cách
2	Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 4. Tìm kiếm thông tin trên Internet	Mục 1. Tìm kiếm thông tin trên Internet
3	Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 5. Thao tác với tệp và thư mục	Mục 3. Thực hành thao tác với tệp và thư mục
4	Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 6. Sử dụng phần mềm khi được phép	Mục 2. Sử dụng phần mềm có bản quyền
5	Chủ đề 5. Ứng dụng Tin học	Bài 7. Tạo bài trình chiếu	Mục 2. Thực hành tạo văn bản trên trang chiếu
6	Chủ đề 5. Ứng dụng Tin học	Bài 8. Định dạng văn bản trên trang chiếu	Mục 1. Định dạng văn bản trên trang chiếu
7	Chủ đề 5. Ứng dụng Tin học	Bài 10. Phần mềm soạn thảo văn bản	Mục 1. Soạn thảo văn bản Mục 2. Xoá văn bản
8	Chủ đề 5. Ứng dụng Tin học	Bài 11. Chỉnh sửa văn bản	Mục 1. Sao chép, di chuyển một phần văn bản

9	Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 14. Khám phá môi trường lập trình trực quan	Mục 2. Thực hành một số thao tác cơ bản
10	Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 15. Tạo chương trình máy tính để diễn tả ý tưởng	Mục 1. Ý tưởng câu chuyện và xây dựng chương trình

Tài liệu tham khảo:

- Sách giáo khoa Tin học 4, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2026.

3. MÔN MỸ THUẬT

TT	Bài	Nội dung
1	Chủ đề 1. Vẽ đẹp trong điêu khắc đình làng Việt Nam	Tìm hiểu vẻ đẹp trong điêu khắc đình làng
2	Chủ đề 1. Vẽ đẹp trong điêu khắc đình làng Việt Nam	Tìm hiểu các bước khai thác vẻ đẹp của điêu khắc đình làng trong sáng tạo sản phẩm mỹ thuật theo hình thức đắp nổi. Tìm hiểu cách khai thác vẻ đẹp của điêu khắc đình làng trong sáng tạo sản phẩm mỹ thuật Khai thác vẻ đẹp của điêu khắc đình làng trong thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật theo cách phù hợp
3	Chủ đề 2. Một số dạng không gian trong tranh dân gian Việt Nam	Dạng không gian nhiều lớp trong tranh dân gian. Dạng không gian ước lệ trong tranh dân gian Dạng không gian đồng hiện trong tranh dân gian
4	Chủ đề 3. Cảnh đẹp quê hương	Tìm hiểu màu sắc, không gian trong các bức ảnh Tìm hiểu gam màu nóng, gam màu lạnh trong các bức tranh phong cảnh
5	Chủ đề 4. Vẽ đẹp trong cuộc sống	Tìm hiểu vẻ đẹp trong cuộc sống qua một số bức ảnh Tìm hiểu vẻ đẹp trong cuộc sống qua một số bức tranh

		Tìm hiểu vẻ đẹp trong cuộc sống qua một số bức tượng Tìm hiểu vẻ đẹp trong cuộc sống qua một số tranh khắc gỗ
6	Chủ đề 4. Vẻ đẹp trong cuộc sống	Tìm hiểu cách thực hành sản phẩm mỹ thuật thể hiện vẻ đẹp trong cuộc sống Tìm hiểu cách thực hành sản phẩm mỹ thuật thể hiện vẻ đẹp trong cuộc sống bằng hình thức vẽ màu sáp. Sử dụng hình thức yêu thích để tạo một sản phẩm mỹ thuật khai thác vẻ đẹp trong cuộc sống
7	Chủ đề 5. Những kỉ niệm đẹp	Một số bức ảnh lưu giữ những kỉ niệm đẹp Tác phẩm mỹ thuật thể hiện những kỉ niệm đẹp Hình ảnh những kỉ niệm đẹp qua một số sản phẩm mỹ thuật của học sinh.
8	Chủ đề 6. Mái trường yêu dấu	Tìm hiểu về cảnh quan và các hoạt động ở trường học qua các bức ảnh Tìm hiểu sản phẩm mỹ thuật thể hiện cảnh quan và các hoạt động ở trường học
9	Chủ đề 7. Môi trường xanh-sạch-đẹp	Tìm hiểu về hoạt động bảo vệ, gìn giữ môi trường qua các nội dung Tìm hiểu sản phẩm mỹ thuật thể hiện chủ đề bảo vệ, gìn giữ môi trường
10	Chủ đề 8. Quê hương thanh bình.	Tìm hiểu cảnh vật thanh bình qua một số bức ảnh Tác phẩm mỹ thuật thể hiện sự thanh bình

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Mỹ thuật 4, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRONG THI TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Gợi ý xây dựng kế hoạch bài dạy:

Tên bài dạy:

Tiết: (Nếu bài học có nhiều tiết thì ghi tiết thứ mấy trong bài)

Môn:

Lớp:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học/tiết học, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

1. Về năng lực

- Nêu đầy đủ, cụ thể yêu cầu học sinh làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) phù hợp với nội dung bài học/tiết học.

- Mỗi yêu cầu cần đạt về năng lực được trình bày theo cấu trúc:

+ Chỉ số hành vi của năng lực cần phát triển

+ Mức độ yêu cầu của hành vi đó

+ Nội dung tương ứng trong bài học.

2. Về phẩm chất

- Nêu đầy đủ, cụ thể yêu cầu về hành vi (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển) phù hợp với nội dung bài học/tiết học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

2. Học sinh

Lưu ý: Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của bài dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tên hoạt động (Thời gian)	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối (... phút).		

2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới/Khám phá: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới ... (... phút).		
3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (... phút).		
4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có) (... phút).		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

a. Cấu trúc và nội dung kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn trong Phụ lục 3, Công văn 2345/BGDĐT-GDTH, ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

b. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp, được giao cho học sinh thực hiện ở cả trên lớp và ngoài lớp học.

Với bài dạy có thời lượng từ 2 tiết trở lên, trước khi trình bày Hoạt động 1 cần trình bày việc phân bổ thời lượng từng tiết học cho các nội dung trong bài và chỉ trình bày nội dung hoạt động học của 1 tiết được chỉ định. Trường hợp yêu cầu xây dựng kế hoạch bài dạy 1 tiết trong bài học có từ 2 tiết trở lên thì có thể trong tiến trình dạy học tiết yêu cầu đó không trình bày đủ 4 hoạt động ở mục 2 bên trên; ví dụ có thể thiếu hoạt động luyện tập hoặc vận dụng thì khi đó ở cuối tiến trình của tiết học đó cần trình bày tóm tắt dự kiến ở hoạt động luyện tập, vận dụng liên quan tới nội dung của tiết học.

c. Trong Kế hoạch bài dạy:

- Cần thể hiện rõ toàn bộ hoạt động của giáo viên, học sinh và đặc trưng môn học.

- Không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên và học sinh.

- Mỗi hoạt động dạy học cần thể hiện rõ ràng, đầy đủ: mục tiêu dạy học/yêu cầu cần đạt của hoạt động; thời gian; phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học; sản phẩm học tập của học sinh; phương án đánh giá (*tiêu chí, phương pháp, công cụ*); tình huống sư phạm và biện pháp xử lí tình huống sư phạm dự kiến (nếu có).

- Cần thiết kế linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế.

- Thể hiện tính sáng tạo, đổi mới trong việc vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh tiểu học.

II. Khối Trung học cơ sở:

- Thực hành thông qua giảng bài trên lớp (không có học sinh) để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển.

- Bốc thăm 1 trong các tiết quy định trong giới hạn nội dung ôn tập.

- Thời gian giảng bài không quá 45 phút (trước khi thi thực hành thông qua giảng dạy thí sinh có 15 phút chuẩn bị).

- Thang điểm: 100 điểm.

2. Giới hạn nội dung các tiết học để xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành dạy học.

1. MÔN NGỮ VĂN

STT	Tên văn bản	Bài học	Tiết - Nội dung
1	<i>Đi lấy mật</i> (trích <i>Đất rừng phương Nam</i> , Đoàn Giỏi)	Bài 1. Bầu trời tuổi thơ (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
2	<i>Đồng dao mùa xuân</i> (Nguyễn Khoa Điềm)	Bài 2. Khúc nhạc tâm hồn (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
3	<i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (trích, Nguyễn Ngọc Thuần)	Bài 3. Cội nguồn yêu thương (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
4	<i>Người thầy đầu tiên</i> (trích, Ai-tơ-ma-tốp)	Bài 3. Cội nguồn yêu thương (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
5	<i>Mùa xuân nho nhỏ</i> (Thanh Hải)	Bài 4. Giai điệu đất nước (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
6	<i>Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt</i> (trích, Vũ Bằng)	Bài 5. Màu sắc trăm miền (Ngữ văn 7, tập một)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
7	<i>Đèo cày giữa đường</i> (Ngụ ngôn Việt Nam)	Bài 6. Bài học cuộc sống (Ngữ văn 7, tập hai)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
8	<i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới biển</i> , Giuyn Véc-nơ)	Bài 7. Thế giới viễn tưởng (Ngữ văn 7, tập hai)	Tiết 2 - Khám phá văn bản
9	<i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (Huỳnh Như Phương)	Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành (Ngữ văn 7, tập hai)	Tiết 2 - Khám phá văn bản

STT	Tên văn bản	Bài học	Tiết - Nội dung
10	Thủy tiên tháng Một (trích, Thơ-mát L. Phrít-man)	Bài 9. Hoà điệu với tự nhiên (Ngữ văn 7, tập hai)	Tiết 2 - Khám phá văn bản

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa *Ngữ văn 7*, tập một và tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

2. MÔN TOÁN

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung
1	Phép chia đa thức cho đơn thức	1	- Dấu hiệu nhận biết một đơn thức hay một đa thức chia hết cho một đơn thức - Cách chia một đa thức cho một đơn thức mà trường hợp riêng là chia một đơn thức cho một đơn thức (trong trường hợp chia hết)
2	Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu	1	- Khái niệm hằng đẳng thức - Hằng đẳng thức hiệu hai bình phương
3	Hình chữ nhật	1	- Khái niệm, tính chất của hình chữ nhật - Dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật
4	Đường trung bình của tam giác	1	- Khái niệm, tính chất đường trung bình của tam giác
5	Thu thập và phân loại dữ liệu	1	- Các phương pháp thu thập dữ liệu - Khái niệm số liệu rời rạc và số liệu liên tục
6	Phân thức đại số	1	- Khái niệm phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau - Điều kiện xác định của phân thức - Giá trị của phân thức tại một giá trị đã cho của biến
7	Hệ số góc của đường thẳng	1	- Khái niệm hệ số góc của đường thẳng - Cách xác định hàm số bậc nhất khi biết hệ số góc và một điểm mà nó đi qua

8	Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	1	- Khái niệm kết quả có thể của hành động, thực nghiệm - Khái niệm kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan thông qua một số ví dụ đơn giản
9	Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác	1	- Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác
10	Hình chóp tam giác đều	1	- Diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều - Thể tích của hình chóp tam giác đều

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Toán 8, tập 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

3. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (Tuyển giáo viên Hóa học)

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung
1	Bài 2 - Phản ứng hóa học	1	Mục I. Biến đổi vật lý và biến đổi hoá học
2	Bài 2 - Phản ứng hóa học	1	Mục II. Phản ứng hoá học
3	Bài 4 - Dung dịch và nồng độ của dung dịch	1	Mục I. Dung dịch, chất tan và dung môi
4	Bài 4 - Dung dịch và nồng độ của dung dịch	1	Mục III. Nồng độ dung dịch
5	Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	1	Mục I. Định luật bảo toàn khối lượng
6	Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	1	Mục II. Phương trình hoá học 1. Lập phương trình hoá học
7	Bài 6. Tính theo phương trình hóa học	1	Mục I. Tính lượng chất trong phương trình hoá học
8	Bài 8. Acid	1	Mục II. Tính chất hoá học
9	Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	1	Mục II. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng 1. Ảnh hưởng nồng độ đến tốc độ phản ứng

			2. Ảnh hưởng nhiệt độ đến tốc độ phản ứng
10	Bài 9. Base - Thang pH	1	Mục II. Tính chất hoá học

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Hóa học 8, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

4. MÔN TIN HỌC

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung
1	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	1	1. Thông tin trong môi trường số
2	Bài 4. Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số	1	2. Tuân thủ những quy định về đạo đức, văn hoá và pháp luật khi tạo ra sản phẩm số
3	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	1	1. Địa chỉ tương đối 2. Địa chỉ tuyệt đối
4	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ	1	1. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ
5	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ	1	2. Thực hành: Tạo biểu đồ
6	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	1	1. Từ thuật toán đến chương trình
7	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	1	2. Thực hành: Tạo chương trình điều khiển máy tính thực hiện thuật toán
8	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	1	1. Kiểu dữ liệu 2. Hằng, biến, biểu thức
9	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	1	3. Thực hành: Sử dụng hằng, biến, biểu thức trong chương trình
10	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	1	1. Cấu trúc điều khiển cơ bản

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Tin học 8, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2025.

5. MÔN CÔNG NGHỆ

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung
1	Bài 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1	- Khổ giấy - Tỉ lệ - Nét vẽ - Ghi kích thước
2	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	1	Vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản
3	Bài 6. Vật liệu cơ khí	1	- Khái quát về vật liệu cơ khí - Vật liệu kim loại
4	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	1	Một số cơ cấu truyền chuyển động: - Truyền động ma sát - Truyền động ăn khớp
5	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	1	Một số cơ cấu biến đổi chuyển động: - Cơ cấu tay quay con trượt - Cơ cấu tay quay thanh lắc
6	Bài 11. Tai nạn điện	1	- Khái quát về tai nạn điện - Nguyên nhân gây ra tai nạn điện
7	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	1	Một số trang bị bảo hộ và dụng cụ bảo vệ an toàn điện: - Trang bị bảo hộ - Một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện
8	Bài 14. Khái quát về mạch điện	1	Mạch điện điều khiển
9	Bài 18. Giới thiệu về thiết kế kỹ thuật	1	- Mục đích của thiết kế kỹ thuật - Vai trò của thiết kế kỹ thuật
10	Bài 19. Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật	1	Khái quát về tiến trình thiết kế kỹ thuật

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Công nghệ 8, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

6. MÔN ÂM NHẠC

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung
1	Bài 1 - Hát: Bài hát <i>Chào năm học mới</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Bay lên nhé nụ cười</i>	1	- Hát: Bài hát <i>Chào năm học mới</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Bay lên nhé nụ cười</i>
2	Bài 2 - Lí thuyết âm nhạc: Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 1</i>	1	- Lí thuyết âm nhạc: Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 1</i>
3	Bài 3 - Hát: Bài hát <i>Việt Nam ơi</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Ngàn ước mơ Việt Nam</i>	1	- Hát: Bài hát <i>Việt Nam ơi</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Ngàn ước mơ Việt Nam</i>
4	Bài 6 - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8 - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 2</i>	1	- Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8 - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 2</i>
5	Bài 7 - Hát: Bài hát <i>Nơi ấy Trường Sa</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Nơi đảo xa</i>	1	- Hát: Bài hát <i>Nơi ấy Trường Sa</i> - Nghe nhạc: Bài hát <i>Nơi đảo xa</i>
6	Bài 9 - Hát: Bài hát <i>Ngày tết quê em</i> - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc <i>Một mùa xuân nho nhỏ</i>	1	Tiết 1 - Hát: Bài hát <i>Ngày tết quê em</i>
7	Bài 9 - Hát: Bài hát <i>Ngày tết quê em</i> - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc <i>Một mùa xuân nho nhỏ</i>	1	Tiết 2 - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc <i>Một mùa xuân nho nhỏ</i> - Ôn bài hát: <i>Ngày tết quê em</i>
8	Bài 10 - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 6/8 - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 3</i>	1	- Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 6/8 - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 3</i>
9	Bài 12 - Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 4</i>	1	- Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ - Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 4</i>
10	Bài 15 - Nghe nhạc: Bài hát <i>Xôn xao mùa hè</i> - Thường thức âm nhạc:	1	- Nghe nhạc: Bài hát <i>Xôn xao mùa hè</i> - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin)

	Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin) và tác phẩm <i>Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ (Fantaisie Impromptu in C sharp minor)</i>		và tác phẩm <i>Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ (Fantaisie Impromptu in C sharp minor)</i>
--	--	--	--

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa Âm nhạc 8, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024.

7. MÔN TIẾNG ANH

STT	Tên bài học	Số tiết thực hiện	Nội dung chính
1	A closer look 1 Unit 2: Life in the Countryside	1	Vocabulary Pronunciation
2	A closer look 2 Unit 2: Life in the Countryside	1	Grammar: Comparative adverbs
3	Skills 1 Unit 4: Ethnic Groups of Viet Nam	1	Reading Speaking
4	Skills 2 Unit 4: Ethnic Groups of Viet Nam	1	Listening Writing
5	A closer look 1 Unit 6: Lifestyles	1	Vocabulary Pronunciation
6	A closer look 2 Unit 6: Lifestyles	1	Grammar: The future simple
7	Skills 1 Unit 7: Environmental Protection	1	Reading Speaking
8	Skills 2 Unit 7: Environmental Protection	1	Listening Writing
9	Skills 1 Unit 8: Shopping	1	Reading Speaking
10	Skills 1 Unit 9: Natural Disasters	1	Reading Speaking

Tài liệu tham khảo:

Sách giáo khoa **Tiếng Anh 8 Global Success**, Sách học sinh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRONG THI TUYỂN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

Gợi ý xây dựng kế hoạch bài dạy:

Tên bài dạy:
 Tiết: (Nếu bài học có nhiều tiết thì ghi tiết thứ mấy trong bài)
 Môn học:
 Lớp:

I. Mục tiêu

- **Kiến thức:** Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài, bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

- **Năng lực:** Nêu cụ thể yêu cầu học sinh làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần hình thành và phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức của bài.

- **Phẩm chất:** Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần hình thành và phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

* Mục tiêu được diễn đạt bằng những động từ có thể quan sát, đánh giá được; mỗi tiết chỉ xác định 3 - 5 mục tiêu trọng tâm. Riêng môn Ngữ văn, năng lực đặc thù gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy.

III. Tiến trình dạy học

- **Hoạt động 1:** Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

- **Hoạt động 2:** Hình thành kiến thức mới/Giải quyết vấn đề/Thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

- **Hoạt động 3:** Luyện tập.

- **Hoạt động 4:** Vận dụng.

....

* Trường hợp tiết được chỉ định nằm trong một bài học, thí sinh trình bày trọn vẹn các hoạt động của tiết đó; không bắt buộc trình bày đủ 4 hoạt động nêu trên.

Ghi chú:

a. Cấu trúc và nội dung kế hoạch bài dạy trình bày theo hướng dẫn trong Phụ lục IV, Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

b. Mỗi hoạt động trình bày thể hiện được 4 nội dung: Mục tiêu; Nội dung (hiểu là nội dung hoạt động học); Sản phẩm (của hoạt động học); Tổ chức thực hiện.

Với nội dung “Tổ chức thực hiện” trình bày thể hiện được các bước tổ chức:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập (giáo viên giao, học sinh nhận).
- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ).
- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận).
- Kết luận, nhận định (giáo viên làm rõ vấn đề cần giải quyết, “chốt” vấn đề/kiến thức/kỹ năng, rút kinh nghiệm các hoạt động học giao nhiệm vụ tiếp theo).

** Mỗi hoạt động cần dự kiến phương án, công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu đã xác định (câu hỏi, bài tập, phiếu học tập, bảng kiểm, thang đánh giá...).*

c. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong 1 hay nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu cần đạt.

Với bài dạy có thời lượng từ 2 tiết trở lên, trước khi trình bày Hoạt động 1 cần trình bày việc phân bố thời lượng từng tiết học cho các nội dung trong bài và chỉ trình bày nội dung hoạt động học của 1 tiết được chỉ định. Trường hợp yêu cầu xây dựng kế hoạch bài dạy 1 tiết trong bài học có từ 2 tiết trở lên thì có thể trong tiến trình dạy học tiết yêu cầu đó không trình bày đủ 4 hoạt động bên trên; ví dụ có thể thiếu hoạt động luyện tập hoặc vận dụng thì khi đó ở cuối tiến trình của tiết học đó cần trình bày tóm tắt dự kiến ở hoạt động luyện tập, vận dụng liên quan tới nội dung của tiết soạn.

d. Hình thức trình bày các hoạt động có thể sử dụng bảng, cột hoặc không. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên và học sinh.

Lưu ý: Bản Kế hoạch bài dạy phải thể hiện toàn bộ hoạt động của giáo viên và học sinh, đặc biệt quan tâm tới việc giáo viên tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn cho học sinh tích cực, chủ động, hợp tác,... trong lĩnh hội kiến thức, hình thành và rèn luyện kỹ năng nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.